

Số: 295 /BC-UBND

Tây Ninh, ngày 05 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO
Sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật hộ tịch

Thực hiện Quyết định số 1458/QĐ-BTP ngày 27/6/2018 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật Hộ tịch, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT HỘ TỊCH VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH

I. Kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành

1. Việc chỉ đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch; công tác tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành

1.1. Công tác chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch

Thực hiện Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 15/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 333/QĐ-BTP ngày 14/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo việc triển khai Luật được đồng bộ, hiệu quả. Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố cũng đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương mình.

Trên cơ sở Kế hoạch đã ban hành, Sở Tư pháp, các Sở ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố đã tổ chức thực hiện, bám sát nội dung, thời gian hoàn thành công việc theo Kế hoạch đề ra. Đến nay, về cơ bản đã hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ theo yêu cầu.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch, các văn bản quy định chi tiết thi hành

Nhằm tạo tiền đề cho việc thi hành Luật hộ tịch, các cơ quan, ban ngành đã tuyên truyền Luật đến các tầng lớp nhân dân thông qua các hình thức phong

phủ, đa dạng, phù hợp với nhóm đối tượng, địa bàn như: Tuyên truyền miệng, tuyên truyền trên mạng lưới truyền thanh cơ sở, tuyên truyền trong buổi sinh hoạt “Ngày pháp luật”, hàng tháng, viết tin, bài... để đăng tải, giới thiệu nội dung Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

UBND tỉnh tổ chức Hội nghị quán triệt Luật Hộ tịch cho lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh và lãnh đạo UBND các huyện, thành phố; phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai thi hành Luật Hộ tịch cho hơn 60 đại biểu là lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, lãnh đạo UBND, lãnh đạo phòng Tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp hộ tịch một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh cũng đã tổ chức triển khai Luật hộ tịch cho đội ngũ Trợ giúp viên, cộng tác viên của tỉnh để đội ngũ này tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân. Tất cả UBND các huyện, thành phố tiến hành tổ chức hội nghị triển khai thi hành Luật Hộ tịch tại địa phương.

Qua việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên địa bàn tỉnh đến nay có thể thấy Luật Hộ tịch đã thực sự đi vào cuộc sống, người dân đã có nhận thức cao hơn về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của việc đăng ký hộ tịch.

1.3. Công tác đôn đốc, hướng dẫn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch

Để triển khai thực hiện tốt Luật Hộ tịch ngay khi Luật có hiệu lực thi hành, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương. Đặc biệt, để giúp cho công chức làm công tác hộ tịch ở cấp huyện và cấp xã nắm được những điểm mới cơ bản của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật so với các quy định trước đây, cũng như nắm được cụ thể trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch ở địa phương, ngày 21/12/2015 UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho gần 110 công chức là Lãnh đạo và công chức hộ tịch của Phòng Tư pháp và Công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã. Đồng thời tổ chức 01 buổi trực tiếp hướng dẫn từng loại hồ sơ hộ tịch có yếu tố nước ngoài cho công chức làm công tác hộ tịch của Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.

Sau hơn 08 tháng triển khai thực hiện Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành các địa phương đã gặp nhiều vướng mắc. Để triển khai thực hiện tốt hơn nữa công tác đăng ký hộ tịch, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là trước tình hình thay đổi công chức Tư pháp – hộ tịch cấp xã sau Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, ngày 30/8/2016 UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tiếp tục tổ chức hội nghị tập huấn công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực cho hơn 200 đại biểu là lãnh đạo Phòng Tư pháp, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách công tác hộ tịch, chứng thực và công chức Tư pháp – hộ tịch cấp xã. Đồng thời năm 2017 và năm 2018 Sở Tư pháp cũng đã tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho công chức hộ tịch cấp huyện và xã trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp thường xuyên nắm tình hình thực tế, nhận diện những khó khăn, vướng mắc của các địa phương, từ đó kịp thời có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ. Định kỳ hàng quý, Sở Tư pháp tổ chức hội nghị giao ban, triển khai công tác tư pháp cơ sở qua đó cũng kịp thời tháo gỡ vướng mắc cho địa phương. Từ khi Luật hộ tịch có hiệu lực thi hành đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành 05 văn bản hướng dẫn, quán triệt chung việc thực hiện một số quy định của pháp luật về hộ tịch và hơn 25 văn bản trả lời, hướng dẫn nghiệp vụ cho địa phương và cũng đã có 02 văn bản xin ý kiến nghiệp vụ Bộ Tư pháp.

2. Việc bố trí đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại UBND cấp huyện và cấp xã

Theo thống kê trước khi Luật hộ tịch có hiệu lực thi hành thì ở cấp huyện có 8/9 công chức làm công tác hộ tịch có trình độ Đại học Luật, 01 công chức Đại học khác. Cấp xã: 90/95 xã, phường, thị trấn đã bố trí đủ 02 biên chế công chức Tư pháp – hộ tịch, 04/95 xã, phường, thị trấn có 01 công chức Tư pháp – hộ tịch và 01 xã chưa có công chức tư pháp – hộ tịch (tạm thời sử dụng 01 công chức địa chính làm công tác tư pháp – hộ tịch), 175 công chức Tư pháp – hộ tịch có trình độ Đại học và Trung cấp Luật, 5 công chức đang học Đại học Luật và 04 công chức đại học khác.

Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của Luật Hộ tịch, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố kiện toàn đội ngũ công chức tư pháp của phòng Tư pháp và công chức Tư pháp – hộ tịch của UBND cấp xã để bảo đảm công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật; bảo đảm từ 01/01/2016 chỉ tuyển dụng mới người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch làm công tác hộ tịch. Qua quá trình kiện toàn đội ngũ công chức hộ tịch, hiện nay ở cấp huyện có 8/9 công chức làm công tác hộ tịch có trình độ Đại học Luật, 01 công chức đại học khác, 9/9 lãnh đạo Phòng Tư pháp phụ trách công tác hộ tịch đều có trình độ Cử nhân luật. Cấp xã: 87/95 xã, phường, thị trấn bố trí đủ 02 biên chế công chức Tư pháp – hộ tịch, 08/95 xã, phường, thị trấn có 01 công chức Tư pháp – hộ tịch (do có 1 số công chức tư pháp hộ tịch được bổ nhiệm chức danh khác hoặc chuyển sang vị trí công tác khác nhưng địa phương chưa tuyển dụng bổ sung), 178 công chức Tư pháp – hộ tịch có trình độ Đại học và Trung cấp Luật, 2 công chức đang học Đại học Luật và 02 công chức đại học khác. Tất cả UBND cấp xã cũng như huyện đều không sử dụng công chức tư pháp – hộ tịch để làm nhiệm vụ khác.

Nhìn chung, với trình độ chuyên môn nghiệp vụ như trên, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch trên địa bàn tỉnh về cơ bản đáp ứng tốt công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

3. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch và kết quả triển khai Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

Trong những năm qua, công nghệ thông tin có tốc độ phát triển nhanh, được ứng dụng rộng rãi trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và công nghệ

thông tin được xem như một phương tiện có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội và nhất là trong công tác quản lý Nhà nước. Do vậy, để ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hộ tịch, năm 2011 UBND tỉnh triển khai thí điểm phần mềm hộ tịch tại Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn của 02 huyện và đến cuối năm 2015 toàn bộ 9/9 Phòng Tư pháp và 95/95 UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in và thống nhất áp dụng phần mềm hộ tịch của địa phương.

Khi Luật Hộ tịch có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị công ty cung cấp phần mềm nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm hộ tịch cho phù hợp với quy định của Luật Hộ tịch và văn bản hướng dẫn thi hành, đến giữa tháng 6/2016 việc nâng cấp cho cấp xã mới thực hiện xong và cuối năm 2016 mới nâng cấp xong phần mềm của Phòng Tư pháp.

Triển khai Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử trong đăng ký và quản lý hộ tịch, ngày 16/11/2016 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3249/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Kế hoạch, tháng 8/2017 được sự hỗ trợ của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp đã cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn phần mềm hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp và sau đó tiến hành tập huấn, triển khai lại cho cấp huyện, xã. Sau khi tập huấn xong, UBND tỉnh chỉ đạo áp dụng thống nhất phần mềm hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/01/2018.

So với phần mềm hộ tịch của địa phương áp dụng trước đây thì phần mềm hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp có rất nhiều ưu việt, phần mềm đã có đầy đủ các chức năng cho phép tác nghiệp trên tất cả các nghiệp vụ về đăng ký và quản lý hộ tịch một cách thuận tiện, đảm bảo đáp ứng phần lớn các yêu cầu của pháp luật về hộ tịch; tạo thuận lợi tối đa cho các đơn vị tham gia sử dụng Hệ thống có thể phối hợp kiểm tra, kiểm soát dữ liệu hộ tịch một cách kịp thời; Thông tin nhân thân về công dân đã được tích hợp, chia sẻ giữa tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia sử dụng Hệ thống, đảm bảo thông tin đăng ký các việc về hộ tịch của công dân được xuyên suốt trên toàn hệ thống cũng như góp phần tránh thực hiện trùng lặp các sự kiện đăng ký hộ tịch. Đặc biệt, trong quá trình áp dụng khi gặp khó khăn, địa phương luôn nhận được sự hỗ trợ, hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin – Bộ Tư pháp.

Tuy nhiên, hiện nay trên phần mềm vẫn còn một số hạn chế nhất định như chưa thể thực hiện cải chính về năm sinh của cá nhân, chưa quản lý theo dõi được danh sách thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch...

4. Việc hướng dẫn, đôn đốc; việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý hộ tịch cấp trên và việc giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo liên quan đến hộ tịch

Kiểm tra, thanh tra là công tác được các cơ quan quản lý hộ tịch đặc biệt quan tâm, công tác này đã kịp thời phát hiện những sai sót để khắc phục và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, góp phần nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần trách nhiệm cho những công chức phụ trách lĩnh vực này nên trên cơ sở chương trình công tác năm UBND tỉnh phê duyệt, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp tiến hành kiểm tra công tác đăng ký hộ tịch định kỳ sáu tháng, hàng năm đối với các xã, phường, thị trấn và phòng Tư pháp các huyện, thành phố. Nội dung các cuộc kiểm tra đảm bảo toàn diện, khách quan và đạt hiệu quả cao. Đối với Phòng Tư pháp các huyện, thành phố định kỳ 6 tháng và năm đều có Kế hoạch tiến hành kiểm tra công tác hộ tịch cấp xã.

Qua công tác kiểm tra chỉ có một số trường hợp có sai sót nhỏ, chưa có trường hợp nào bị thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do UBND cấp xã, cấp huyện cấp trái quy định của pháp luật về hộ tịch và cũng không có trường hợp nào khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực hộ tịch.

5. Công tác phối hợp liên ngành trong việc triển khai thi hành Luật Hộ tịch, các văn bản quy định chi tiết thi hành

5.1. Với ngành Công an

Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch có mối quan hệ chặt chẽ với công tác quản lý hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ngành Công an, cả hai lĩnh vực này đều quản lý nhân thân của một con người, là cơ sở điều chỉnh và phục vụ cho mối quan hệ xã hội từ lúc mới sinh ra cho đến khi chết đi. Do vậy, công tác phối hợp giữa ngành Tư pháp với Công an được thực hiện thường xuyên trong việc xác minh tàng thư hộ khẩu, cung cấp kịp thời thông tin của đương sự. Các xã, thị trấn đã có sự phối hợp khi xác minh tình trạng đăng ký khai sinh (Giấy khai sinh trong tàng thư hộ khẩu của Công an) cho những cá nhân đã từng cư trú tại địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập liên quan đến việc phối hợp giữa hai ngành như qua quá trình thay đổi sổ hộ khẩu vì lý do viết sai năm sinh hoặc giới tính, nơi sinh, quê quán ...của người dân, đến khi người dân có yêu cầu điều chỉnh trong hộ khẩu thì cơ quan Công an yêu cầu phải có Giấy khai sinh, nhưng nếu khi đăng ký khai sinh thì lại phát sinh ra vấn đề thủ tục, vì người dân không có giấy tờ nào khác ngoài hộ khẩu và giấy CMND nên việc đăng ký phải căn cứ theo hộ khẩu sau đó mới làm thủ tục thay đổi, cải chính giấy khai sinh...rất bất tiện mặc dù trong khi tàng thư của ngành Công an đã lưu đúng nhưng vẫn không chỉnh hộ khẩu hoặc CMND, thẻ căn cước công dân cho người dân, gây khó khăn cho các cơ quan phối hợp và cả người dân.

5.2. Với Tòa án nhân dân các cấp

Khoản 1 Điều 30 Luật Hộ tịch quy định trách nhiệm thông báo khi có sự thay đổi hộ tịch "*Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này, Tòa án nhân dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách*

nhệm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định đến Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch...". Theo quy định nêu trên, việc ly hôn trong thực tế là rất nhiều, nhưng hiện nay hầu như Tòa án nhân dân không gửi thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án đến Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch, gây khó khăn trong quá trình đăng ký quản lý hộ tịch.

5.3. Với cơ quan Y tế

Giấy chứng sinh là một trong những giấy tờ quan trọng, là cơ sở cho việc đăng ký khai sinh, tuy nhiên theo quy định tại các Thông tư của Bộ Y tế thì việc cấp Giấy chứng sinh tương đối đơn giản, lỏng lẻo, việc ghi thông tin của người mẹ vào Giấy chứng sinh chưa có cơ chế kiểm soát chặt chẽ. Điều này dẫn đến tình trạng người dân "lách luật" để đăng ký khai sinh với thông tin của người mẹ không đúng thực tế.

Theo Thông tư số 17/2012/TT-BYT thì đối với trường hợp đã cấp Giấy chứng sinh mà phát hiện có nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh hoặc Giấy chứng sinh bị mất, rách nát thì được cấp lại. Tuy nhiên, khi cơ quan hộ tịch hướng dẫn người dân liên hệ với cơ quan y tế đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh thì người dân cũng gặp nhiều khó khăn.

II. Tình hình, kết quả giải quyết các việc hộ tịch

1. Kết quả giải quyết các việc hộ tịch (từ ngày 01/01/2016 – 30/6/2018)

(Có biểu mẫu kèm theo)

2. Nhận xét tình hình giải quyết các việc hộ tịch

Xác định được tầm quan trọng của công tác hộ tịch, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo kịp thời trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch, ban hành những văn bản hướng dẫn và có sự thống nhất cao trong nhận thức về vai trò của mình trong công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Từ đó, giữa các cấp, các ngành có sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Về cơ bản từ khi Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn Luật có hiệu lực thi hành các địa phương đã thực hiện đăng ký hộ tịch bảo đảm đúng pháp luật, trong đó nhiều việc nhận được sự hài lòng từ người dân, không có vướng mắc lớn hoặc điểm nghẽn (bất cập) gây bức xúc cho người dân. Những vướng mắc từ địa phương cơ bản đã được Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện. Có thể khẳng định, Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu đăng ký hộ tịch của người dân, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hộ tịch trong giai đoạn chuyển tiếp, góp phần cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân.

3. Nhận xét, đánh giá việc áp dụng các quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành trong quá trình giải quyết các việc hộ tịch

3.1. Đánh giá về sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Hộ tịch với Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật nuôi con nuôi và các văn bản pháp luật có liên quan khác

Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định các quyền nhân thân của cá nhân, bên cạnh đó còn quy định riêng về các quyền trong đăng ký hộ tịch của công dân cũng được đảm bảo khá chặt chẽ, đúng quy định pháp luật, mỗi công dân đều có quyền tự do trong các vấn đề liên quan đến nhân thân của mình trong khuôn khổ pháp luật quy định. Tuy nhiên, việc áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2015 để giải quyết các việc đăng ký hộ tịch còn một số vướng mắc:

+ Theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật Hộ tịch, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong các trường hợp theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó nhưng trong thực tế phát sinh không có hướng dẫn cụ thể và nhiều địa phương có ý kiến cho rằng quy định này còn chung chung nên trong quá trình thực hiện còn nhiều cách hiểu khác nhau, áp dụng không thống nhất.

+ Bộ Luật dân sự quy định nguyên tắc đặt tên: “Tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ” nhưng hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là tên bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam, tên bằng số, tên bằng một ký tự như thế nào thì không được chấp nhận. Ngoài ra, đối với những trường hợp đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (trẻ em có một bên cha hoặc mẹ là người nước ngoài) cha mẹ trẻ thường muốn con có tên ghép giữa Việt Nam và nước ngoài nhưng hiện vẫn chưa có văn bản nào hướng dẫn vấn đề này.

+ Nhằm bảo vệ quyền lợi của người được giám hộ, Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định cơ chế giám sát người giám hộ nhưng hiện nay Luật Hộ tịch cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành đều chưa quy định trình tự, thủ tục cụ thể để thực hiện đăng ký giám sát giám hộ.

Việc xác nhận tình trạng hôn nhân cho những người xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 chưa có sự thống nhất giữa văn bản hộ tịch và văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình. Cụ thể theo khoản 3 Điều 25 Thông tư 15/2015/TT-BTP quy định: Nếu trường hợp chung sống với nhau như vợ, chồng trước ngày 03/01/1987 và vẫn chung sống với nhau mà chưa đăng ký kết hôn thì ghi “hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông...” vậy thì phải đủ 2 điều kiện thì mới được xem là vợ, chồng còn nếu không còn sống chung thì không được công nhận là vợ chồng, trong khi đó thì Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thì chỉ cần một điều kiện là chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987.

Một số quy định của Luật Hộ tịch với Nghị định 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật nuôi con nuôi có sự trùng lặp; không có lợi cho người dân như:

+ Luật Hộ tịch cũng quy định về thủ tục ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và Điều 30 của Nghị định 19/2011/NĐ-CP cũng quy định vấn đề này.

+ Đối với việc thay đổi phần thông tin từ cha mẹ đẻ sang cha mẹ nuôi nếu có sự thỏa thuận của 2 bên thì Khoản 3 Điều 10 Nghị định 19/2011/NĐ-CP quy định UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh cho trẻ em đăng ký lại và thu hồi Giấy khai sinh cũ, tại cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ là cha mẹ nuôi. Tuy nhiên, tại Khoản 2 Điều 26 Luật hộ tịch lại quy định tiến hành thủ tục thay đổi thông tin về cha mẹ trong giấy khai sinh. Quy định này của Luật Hộ tịch có thể gây ảnh hưởng tâm lý cho trẻ khi trên giấy khai sinh thể hiện rõ là con nuôi.

3.2. Đánh giá về thực trạng áp dụng pháp luật để giải quyết các việc hộ tịch

Việc Quốc hội thông qua Luật Hộ tịch được xem là bước ngoặt quan trọng trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch nói riêng và quản lý dân cư nói chung. Đây là lần đầu tiên ở nước ta có văn bản ở tầm Luật để quy định riêng về lĩnh vực này sau hơn 60 năm thực hiện bằng các Nghị định của Chính phủ. Có thể khẳng định đây là bước hoàn thiện căn bản về thể chế đăng ký và quản lý hộ tịch của nước ta. Luật Hộ tịch đã có nhiều nội dung mới, mang tính đột phá và đến nay, qua hơn 03 năm triển khai thi hành Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành, có thể thấy Luật Hộ tịch đã thực sự đi vào cuộc sống xã hội, ngày càng khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng đối với việc đăng ký và quản lý hộ tịch. Các yêu cầu về hộ tịch của cá nhân được đăng ký đầy đủ, kịp thời và chính xác.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng có những việc phát sinh mà các văn bản pháp luật về hộ tịch chưa dự liệu và chưa có quy định điều chỉnh nên địa phương gặp nhiều vướng mắc như:

+ Những năm gần đây, việc kết hôn một cách vội vã, thiếu suy nghĩ của phụ nữ đã để lại nhiều hậu quả nhất là về vấn đề khai sinh và quốc tịch. Những trường hợp này khi theo chồng ra nước ngoài, họ đều đã xin thôi quốc tịch Việt Nam để được nhập quốc tịch nước ngoài, đến thời điểm này thì việc trở về của các đối tượng này khá nhiều (trong đó bỏ trốn vì bị ngược đãi, vì cuộc sống khó khăn, ly hôn...), và hậu quả là những đứa con theo mẹ về Việt Nam khi các cháu đã được đăng ký khai sinh tại nước ngoài, đã chọn quốc tịch nước ngoài nên người mẹ không thể mang Giấy khai sinh về Việt Nam để được đăng ký ghi vào sổ hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch. Ngoài ra, rất nhiều trường hợp người nữ bỏ trốn về Việt Nam nhưng chưa làm thủ tục ly hôn và trước đây cũng không ghi chú kết hôn ở Việt Nam nên phía Tòa án ở trong nước cũng không thể thụ lý để giải quyết ly hôn. Và hậu quả là những trường hợp này khi chung sống với người khác ở Việt Nam thì không thể nào tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Những người con chung của họ lại được xác định là con trong thời kỳ hôn nhân

với người chồng nước ngoài. Vì vậy, đối với những trường hợp này lại khó khăn trong vấn đề xác định người cha khi đăng ký khai sinh.

+ Theo quy định Luật Hộ tịch quê quán của con là theo quê quán của cha hoặc mẹ nhưng hiện nay ở Tây Ninh có rất nhiều trường hợp quê quán của cha, mẹ đều là Campuchia, trong khi đó họ không muốn lấy thông tin quê quán của con mình là Campuchia vì thật sự họ sinh ra và lớn lên ở Tây Ninh, việc lấy quê quán Campuchia sẽ gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cũng như việc lựa chọn ngành nghề của con sau này. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định để cho họ lựa chọn như thế.

+ Liên quan đến đối tượng được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người chết nhưng hiện nay nhiều cơ quan thực hiện thủ tục hành chính trong đó phần lớn là các tổ chức hành nghề công chứng vẫn yêu cầu người dân phải nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của những người có liên quan đến hợp đồng, giao dịch kể cả đối với người đã chết.

3.3. Đánh giá việc sử dụng các loại sổ, biểu mẫu hộ tịch, việc lưu trữ sổ hộ tịch tại các địa phương.

Thực hiện Đề án Giấy tờ, sổ hộ tịch ban hành kèm theo Quyết định số 2276/QĐ-BTP ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho Sở Tư pháp trong việc in, phát hành sổ hộ tịch và Sở Tư pháp đã dự trù số lượng để in ấn, bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời yêu cầu sử dụng giấy tờ, sổ hộ tịch của các cơ quan đăng ký hộ tịch ở địa phương.

Việc sử dụng biểu mẫu và sổ hộ tịch tại các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng theo Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, việc ghi sổ và lưu sổ cũng được triển khai và thực hiện nghiêm túc, nội dung trong sổ được viết rõ ràng, sạch sẽ, ít sai sót; việc sửa chữa sai sót cũng đã được thực hiện theo đúng hướng dẫn. Tuy nhiên, nhiều sổ hộ tịch bắt buộc người đi đăng ký phải ký tên vào, quy định này không phù hợp với cải cách thủ tục hành chính vì như thế dẫn đến việc không thể áp dụng phương thức trả kết quả qua dịch vụ bưu chính khi người dân có nhu cầu.

III. Tình hình thực hiện liên thông TTHC theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT/BTP-BCA-BYT

1. Tình hình giải quyết liên thông TTHC trên địa bàn

1.1. Công tác chỉ đạo triển khai của địa phương.

Thực hiện Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 04/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế và Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế, ngày

30/6/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 1856/UBND-VX yêu cầu các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện, trong đó đã quy định rõ trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan.

Tuy nhiên, sau hơn 03 năm kể từ ngày Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT có hiệu lực, việc triển khai thực hiện liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tại các địa phương trong tỉnh vẫn chưa đồng bộ, thống nhất nên ngày 29/5/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục có Công văn số 1361/UBND-NC chỉ đạo các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tăng cường thực hiện.

Công tác tuyên truyền cũng được các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố quan tâm thực hiện thông qua nhiều hình thức như: Tổ chức niêm yết công khai, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, lồng ghép trong các cuộc phổ biến, truyền truyền pháp luật...

1.2. Kết quả giải quyết yêu cầu đăng ký liên thông 3 TTHC

Theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố đã tiến hành triển khai thực hiện tại UBND cấp xã. Đến nay, đa số các xã, phường, thị trấn đều đã triển khai thực hiện liên thông 3 thủ tục. Kết quả từ khi triển khai thực hiện liên thông TTHC đến nay trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết được 34.391 trường hợp.

1.3. Cơ chế phối hợp liên ngành trong giải quyết liên thông TTHC

Nhằm thống nhất trong thực hiện giải quyết liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh, ngày 24/7/2017 Sở Tư pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh đã ký Quy chế phối hợp liên ngành, trong đó quy định rõ nguyên tắc, quy trình, trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp liên ngành của các cơ quan nhà nước có liên quan đến việc tiếp nhận, chuyển giao, giải quyết hồ sơ và trả kết quả trong quá trình thực hiện liên thông các thủ tục hành chính.

2. Nhận xét, đánh giá tình hình triển khai liên thông TTHC

2.1. Mặt được

Trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tương đối tốt việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính, qua đó đã giúp giải quyết công việc cho người dân thuận lợi hơn; Khi có yêu cầu người dân nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã là thực hiện được 3 thủ tục hành chính và nhận được 3 kết quả cùng một lúc (khai sinh, bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và nhập hộ khẩu), tiết kiệm được công sức, chi phí và thời gian đi lại của người dân; thời hạn giải quyết hồ sơ nhanh hơn, tổng thời gian giải quyết hồ sơ đối với nhóm thủ tục liên thông đăng ký khai sinh - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi - nhập hộ khẩu rút ngắn hơn.

Quá trình áp dụng thủ tục hành chính liên thông đã giúp cơ quan nhà nước quản lý chặt chẽ hơn thông tin nhân thân và cư trú của người dân, khắc phục tình trạng trẻ em đã được đăng ký khai sinh nhưng chưa được nhập hộ khẩu, cấp Thẻ bảo hiểm y tế, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; góp phần nâng cao trách nhiệm, tận tâm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ.

2.2. Những khó khăn, vướng mắc

Đối với các TTHC thuộc lĩnh vực hộ tịch nói chung trong năm 2015 do hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có nhiều thay đổi lớn điều chỉnh lại toàn bộ các TTHC này, trong khi Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 được ban hành dựa vào các văn bản cũ, chưa cập nhật kịp thời những thay đổi mới của pháp luật về hộ tịch, bảo hiểm. Cụ thể như:

+ Tại khoản 2, Điều 12 của Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, quy định: *“Ngay sau khi nhận được hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Bảo hiểm xã hội cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đã nhận được. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bảo hiểm xã hội cấp huyện thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em.....”*

+ Tại khoản 1, Điều 30 của Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam Ban hành quy định về quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, quy định: *“Cấp thẻ BHYT, Cấp mới: không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định...”*.

Trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký thường trú theo quy định của Luật Cư trú buộc phải có sự đồng ý của chủ hộ và nội dung đó phải được ghi, ký tên vào tờ khai khi đăng ký thường trú, do đó người yêu cầu đăng ký ba thủ tục trên phải đi về một lượt để đề nghị chủ hộ ghi và ký tên đồng ý vào tờ khai đăng ký thường trú nếu người yêu cầu không phải là chủ hộ, điều này làm gián đoạn thủ tục nêu trên.

Để phù hợp với Luật cư trú về thẩm quyền đăng ký thường trú thì tại điểm b, khoản 2, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT quy định: *“Công an thị xã, thành phố thuộc tỉnh đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn thị xã, thành phố thuộc tỉnh”*. Tuy nhiên, với quy định như trên gây khó khăn trong việc liên thông đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc các phường, xã trên địa bàn thành phố.

Để thực hiện thủ tục liên thông thì người dân phải thực hiện khai báo ở 03 biểu mẫu Tờ khai nên chưa thật thuận tiện và cũng chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách thủ tục hành chính hiện nay.

Phần thứ hai
NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN
KHAI THỰC HIỆN LUẬT HỘ TỊCH VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH
CHI TIẾT THI HÀNH

I. Những khó khăn, vướng mắc

1. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hộ tịch đã được quan tâm, chú trọng thực hiện dưới nhiều hình thức. Tuy nhiên, hiệu quả tuyên truyền, phổ biến chưa sâu, rộng, tình trạng đăng ký hộ tịch quá hạn còn chiếm tỷ lệ cao.

Các sự kiện hộ tịch có yếu tố nước ngoài có tính chất đa dạng và phức tạp, nhưng đây lại là nhiệm vụ mới được chuyển giao cho UBND cấp huyện, do đó việc thiếu kinh nghiệm của cán bộ trong quá trình tham mưu thực hiện là không tránh khỏi, trong khi đó biên chế công chức của Phòng Tư pháp hiện nay rất ít không tương xứng với yêu cầu của công việc đang là một khó khăn lớn ở các địa phương, làm ảnh hưởng đến chất lượng của công tác này.

Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch, đặc biệt là Thông tư hướng dẫn của Bộ Tư pháp ban hành chậm gây lúng túng cho các địa phương khi bắt tay vào thực hiện vì tất cả biểu mẫu giấy tờ, sổ hộ tịch đều không thể in ấn kịp thời để phục vụ cho công tác đăng ký hộ tịch. Bên cạnh đó, các biểu mẫu này còn liên quan đến việc chỉnh sửa phần mềm hộ tịch do địa phương đang áp dụng nhưng việc ban hành chậm đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện rất nhiều.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP thì trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, ... thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền. Quy định này rườm rà và cơ quan đăng ký hộ tịch cũng không thể kiểm tra được chữ ký trong văn bản ủy quyền có đúng là của người ủy quyền hay không.

Tại khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch quy định “Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay thế giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Tuy nhiên, hiện tại chưa có quy định cụ thể về mẫu giấy báo tử dành cho cấp xã thực hiện nên phần nào cũng gây lúng túng.

Điều 46 Luật Hộ tịch quy định “thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc”, Luật không quy định thẩm quyền bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam. Với quy định trên gây khó khăn đối với những trường hợp vừa có nhu cầu cải chính, vừa có nhu cầu bổ sung hộ tịch tại UBND cấp huyện.

Theo khoản 3 Điều 32 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định “Phòng Tư pháp gia hạn thời gian trao Giấy chứng nhận kết hôn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày Chủ tịch UBND huyện ký Giấy chứng nhận kết hôn”. Tuy nhiên, mẫu giấy chứng nhận kết hôn được quy định theo Thông tư số 15/2015/TT-BTP không có nội dung ngày ký trên mẫu nên khó cho việc xác định ngày gia hạn.

Theo khoản 2 Điều 50 Luật Hộ tịch quy định thủ tục ghi vào sổ Hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn được giải quyết trong thời hạn 12 ngày. Theo Khoản 2 Điều 35 và Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục ghi chú kết hôn, ghi chú ly hôn được giải quyết trong thời hạn 05 ngày. Như vậy, giữa Luật và Nghị định quy định chưa thống nhất với nhau.

Đối với thủ tục ghi chú ly hôn Luật không yêu cầu đương sự xuất trình giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền trước đây. Khi tiếp nhận hồ sơ ghi chú ly hôn theo quy định hiện tại gặp một số khó khăn sau: Thứ nhất UBND cấp huyện không xác định được thẩm quyền theo quy định; Thứ hai không có thông tin trong việc xác minh đương sự có đăng ký kết hôn hoặc đã ghi chú kết hôn tại Việt Nam hay không; Thứ ba, sau khi đã hoàn thành thủ tục UBND cấp huyện không có thông tin rõ ràng để thông báo cho đơn vị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn hoặc ghi chú việc kết hôn trước đây để ghi chú sổ theo quy định (Khoản 2 Điều 13 và Điểm c Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP).

Theo Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP điều kiện đăng ký lại khai sinh, khai tử, kết hôn “...sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại”. Tuy nhiên, trên thực tế đối với những trường hợp còn bản chính giấy khai sinh nhưng giấy khai sinh đã quá cũ, rách, có một số giấy không có số, ngày tháng năm đăng ký... nên không thể chứng thực được. Đối với những trường hợp đã mất bản chính nhưng còn sổ Bộ do theo quy định không được cấp lại bản chính và cũng không được đăng ký lại nên nhiều trường hợp khi có liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài người dân gặp khó khăn.

Một số thủ tục như đăng ký lại việc sinh, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân... cho những người đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký phải có văn bản gửi kiểm tra, xác minh ở những địa phương trước đây. Hiện nay, việc gửi văn bản chủ yếu qua đường bưu điện nên không thể xác định được các địa phương khác có nhận được văn bản hay không và Luật cũng không quy định thời gian tối đa cho việc luân chuyển hồ sơ.

Hiện nay nhu cầu đăng ký lại việc sinh của người dân ngày một nhiều để thực hiện đổi CMND sang căn cước công dân (do đối với những trường hợp Giấy chứng minh nhân dân không có ngày, tháng sinh khi đổi sang căn cước công dân thì ngành Công an yêu cầu phải có giấy khai sinh). Tuy nhiên, thủ tục

đăng ký lại việc sinh còn rờm rà, phức tạp cụ thể như: Phải nộp bản photo CMND, Hộ khẩu, bằng cấp, chứng chỉ, học bạ,.. Ngoài ra, nếu đăng ký lại việc sinh thực hiện tại UBND cấp xã không phải là nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thì UBND xã phải có văn bản đề nghị UBND xã nơi đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh...việc gửi, phúc đáp công văn mất nhiều thời gian, có trường hợp bị thất lạc.

II. Nguyên nhân

1. Nguyên nhân khách quan

Bên cạnh những mặt đạt được như tinh thần trách nhiệm, cố gắng học tập nâng cao trình độ để phục vụ công tác tốt hơn thì hiệu quả công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở một số huyện, xã chưa cao do không đủ nhân lực để triển khai thực hiện công tác, một số ít cán bộ chưa phát huy được năng lực của mình do việc bố trí cán bộ chưa theo một kế hoạch lâu dài, bố trí trái chuyên môn được đào tạo, không ổn định, một số cán bộ sau thời gian làm công tác hộ tịch lại được bổ nhiệm, bố trí sang các chức danh khác cao hơn, số được thay thế chưa qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, chưa có kinh nghiệm nên đã ảnh hưởng ít nhiều đến công tác.

Trình độ dân trí của nhân dân trên địa bàn các huyện biên giới còn hạn chế đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả công tác tham mưu quản lý nhà nước về công tác tư pháp nói chung, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch nói riêng.

Một số quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành còn chưa thống nhất, chưa rõ ràng nên gây khó khăn, lúng túng trong quá trình thực hiện.

2. Nguyên nhân chủ quan

Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác này, việc bố trí kinh phí phục vụ công tác đăng ký và quản lý hộ tịch còn hạn chế.

Vẫn còn một số công chức Tư pháp – hộ tịch chưa nghiên cứu sâu các văn bản luật dẫn đến tiếp cận Luật Hộ tịch, văn bản hướng dẫn thi hành còn hạn chế, có những điểm mới còn lúng túng trong quá trình giải quyết.

Phần thứ ba. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Trên cơ sở kết quả đánh giá nêu trên, nhất là về những tồn tại, hạn chế, UBND tỉnh Tây Ninh đề xuất, kiến nghị Bộ Tư pháp tham mưu Trung ương một số nội dung sau:

- Quy định thống nhất giữa văn bản pháp luật về hộ tịch và các văn bản liên quan đến lĩnh vực hộ tịch như Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Nuôi con nuôi...

- Bổ sung các quy định: Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ; thủ tục cấp lại bản chính Giấy khai sinh; thẩm quyền bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cho UBND cấp huyện; bổ sung quy định phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn hoặc trích lục ghi chú kết hôn khi thực hiện thủ tục ghi chú ly hôn;

- Quy định linh hoạt hơn trong việc xác định quê quán của con trong giấy khai sinh đối với những trường hợp đặc biệt như cả cha và mẹ đều quê quán ở Campuchia.

- Có hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc đặt tên cho con; thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ được sinh ra ở nước ngoài nhưng khi về Việt Nam lại không có bất kỳ giấy tờ gì.

- Bộ Tư pháp thường xuyên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ, các buổi tọa đàm về công tác hộ tịch để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho các địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất liên quan đến việc thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT/BTP-BCA-BYT.

Hiện nay quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch đã thực hiện theo Luật Hộ tịch, trong khi Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT căn cứ vào Nghị định 158/2005/NĐ-CP và Nghị định số 06/2012/NĐ-CP, do vậy đề nghị sửa đổi cho phù hợp với quy định hiện hành.

Điều chỉnh, rút ngắn thời gian cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi tại khoản 2, Điều 12 của Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015, từ 10 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc để phù hợp với quy định của ngành bảo hiểm.

Để đơn giản hóa thủ tục hành chính nên xây dựng mẫu tờ khai tích hợp chung cho cả 03 thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Trên đây là báo cáo sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận: 

- Cục HTQTCT-BTP;
- Cục Công tác phía Nam-BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT, VPUBND tỉnh.

NC-THONG

qlb

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc





Biểu số 13c/BTP/HTQTCT/HT

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(năm 2016-2017-2018)

Kỳ báo cáo: 03 năm

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2018)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Tây Ninh

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp

(Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực)

A. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Trường hợp

Đơn vị tính: Trường hợp

(A)	I. Khai sinh (Chia theo quốc tịch của cha, mẹ)							II. Khai tử						
	Tổng số	Con có cha và mẹ là người nước ngoài			Con có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam			Tổng số	Người nước ngoài			Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
			Nam	Nữ		Nam	Nữ			Nam	Nữ	Nam	Nữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh	318	18	8	10	300	153	147	24	16	12	4	8	3	5
Năm 2016	135	14	7	7	121	59	62	13	7	5	2	6	2	4
Năm 2017	126	4	1	3	122	72	50	6	5	3	2	1	0	1
06 tháng đầu năm 2018	57	0	0	0	57	22	35	5	4	4	0	1	1	0

III. KẾT HÔN

(A)	Số cuộc kết hôn chia theo đối tượng kết hôn (Cấp)					Số người kết hôn chia theo quốc gia/ vùng lãnh thổ của công dân nước ngoài mang quốc tịch/cư trú (người)							Số người kết hôn chia theo giới tính công dân Việt Nam cư trú trong nước (Người)		
	Tổng số	Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với người nước ngoài	Công dân VN cư trú ở trong nước với công dân VN định cư ở nước ngoài	Công dân VN định cư ở nước ngoài với nhau	Người nước ngoài với người nước ngoài	Tổng số	Mỹ	Canada	Trung Quốc (Đại lục)	Trung Quốc (Đài Loan)	Hàn Quốc	Quốc gia/ vùng lãnh thổ khác	Tổng số	Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	1642	1482	160	0	0	1642	243	16	19	968	178	218	1642	85	1557
Năm 2016	594	536	58			594	79	7	5	331	57	115	594	26	568
Năm 2017	717	643	74			717	116	5	6	453	69	68	717	39	678
06 tháng đầu năm 2018	331	303	28			331	48	4	8	184	52	35	331	20	311

B. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN TRONG NƯỚC TẠI UBND CẤP XÃ

	ĐĂNG KÝ KHAI SINH (Trường hợp)										ĐĂNG KÝ KHAI TỬ (Trường hợp)							ĐĂNG KÝ KẾT HÔN				
	Đăng ký mới									Đăng ký lại	Đăng ký mới						Đăng ký lại	Đăng ký mới				
	Chia theo dân tộc		Chia theo giới tính		Chia theo thời điểm đăng ký			Chia theo độ tuổi			Chia theo thời điểm đăng ký		Đăng ký lại	Tổng số (Cặp)	Trong đó: Kết hôn lần đầu (Cặp)	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Tuổi)		Đăng ký lại (Cặp)				
					Quá hạn	Trong đó:										Nam			Nữ			
						Đúng hạn	Tổng số													Số trẻ em được sinh trong năm báo cáo	Dưới 5 tuổi	
Tổng số	Dân tộc Kinh	Dân tộc khác	Nam	Nữ	Đúng hạn			Quá hạn	Tổng số	Dưới 1 tuổi	Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi	Từ 5 tuổi trở lên	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong đó: Kết hôn lần đầu (Cặp)	Nam	Nữ	Đăng ký lại (Cặp)			
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	69.683	67.622	2.061	35.281	34.402	35.850	33.833	6.934	9.002	38.920	18.761	36	108	18.617	14.905	3.856	331	24.630	20.942	28	24	336
Năm 2016	24.688	23.725	963	12.678	12.010	14.663	10.025	2.885	3.406	11.596	7.955	13	42	7.900	6.260	1.695	157	10.490	9.082	27	21	143
Năm 2017	32.018	31.192	826	15.986	16.032	15.722	16.296	3.581	3.792	18.647	7.589	16	40	7.533	6.098	1.491	161	9.999	8.384	28	24	140
06 tháng đầu năm 2018	12.977	12.705	272	6.617	6.360	5.465	7.512	468	1.804	8.677	3.217	7	26	3.184	2.547	670	13	4.141	3.476	28	25	53



Biên số: 14c/BTP/HTQTCT/HT/HTK
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016
Ngày nhận báo cáo (BC):
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(03 năm)**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 6 năm 2018)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Tây Ninh
Đơn vị nhận báo cáo:
- Bộ Tư pháp
(Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực)

I. CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC THỰC HIỆN TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Đơn vị tính: Trường hợp

	Đăng ký giám hộ	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Thay đổi hộ tịch	Cải chính hộ tịch	Bổ sung thông tin hộ tịch	Xác định lại dân tộc	Ghi vào sổ việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				
							Khai sinh	Nuôi con nuôi	Kết hôn	Ly hôn/Hủy việc kết hôn	Các thay đổi hộ tịch khác
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	0	69	90	3653	61	107	105	0	614	237	16
Năm 2016	0	18	12	1050	29	51	74	0	200	91	0
Năm 2017	0	27	58	1499	28	41	22	0	233	77	0
6 tháng đầu năm 2018	0	24	20	1104	4	15	9	0	181	69	16

II. CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch			Nhận cha, mẹ, con	Đăng ký giám hộ	Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác				Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân			
	Thay đổi hộ tịch	Cải chính hộ tịch	Bổ sung thông tin hộ tịch			Thay đổi quốc tịch	Nuôi con nuôi	Ly hôn/Hủy việc kết hôn	Các thay đổi hộ tịch khác	Để kết hôn		Để sử dụng vào mục đích khác	
										Nam	Nữ	Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	297	971	3887	1019	76	6	33	175	261	8742	19949	19730	37531
Năm 2016	128	278	1008	402	20	2	12	68	65	3267	6808	7130	13903
Năm 2017	99	361	1818	379	20	2	14	55	75	2913	6959	7435	15120
06 tháng đầu năm 2018	70	332	1061	238	36	2	7	52	121	2562	6182	5165	8508